TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/DS-ST
Ngày: 28-8-2018
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự (đòi tài sản)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trương Hữu Bình;

2/ Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Văn Quang Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 449/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2017 về việc "tranh chấp hợp đồng dân sự (đòi tài sản)", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T (T1 Lớn), sinh năm 1983

HKTT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Bà Phạm Nguyễn Ánh H (Phạm Thị Hồng N), sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ 7, ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 11 năm 2017, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn (bà T) trình bày:*

Ngày 30/7/2014 bà T có cho bà H mượn 05 chỉ vàng 9999 (thành tiền 18.000.000 đồng) và số tiền là 10.000.000 đồng. Khi mượn bà H có làm giấy tay

do chính bà H ký tên. Tuy nhiên, trong giấy mượn tiền bà H ghi tên là Phạm Thị Hồng N là tên gọi khác của bà H.

Đến ngày 13/3/2015 bà T tiếp tục cho bà H mượn thêm 01 cây vàng 9999 (thành tiền 36.000.000 đồng). Khi mượn bà H có làm giấy tay do chính bà H ký tên. Tuy nhiên trong giấy mượn tiền bà H ghi tên là Phạm Thị Hồng N là tên gọi khác của bà H.

Do nhiều lần bà T yêu cầu bà H trả số tiền và vàng trên không được nên bà T khởi kiện. Nay bà T yêu cầu bà H thanh toán số tiền là 10.000.000 đồng và 15 chỉ vàng 9999 (thành tiền là 54.000.000 đồng). Tổng cộng là 64.000.000 đồng.

Bà T thống nhất với Kết luận giám định số 164/GĐ-PC54 ngày 20/6/2018 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa, bà T yêu cầu được nhận tiền và giá vàng tại thời điểm xét xử có cao hơn yêu cầu của bà (3.600.000 đồng/chỉ) thì bà cũng yêu cầu tính giá vàng 3.600.000 đồng/chỉ.

Ngoài ra, bà T không có ý kiến gì khác.

** Bị đơn bà Phạm Nguyễn Ánh H:*

Trong quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho bà H biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là "tranh chấp hợp đồng dân sự (đòi tài sản)". Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Ngày 23/11/2017 bà Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu bà Phạm Nguyễn Ánh H thanh toán số tiền vay 10.000.000 đồng và 15 chỉ vàng 9999 theo hai giấy mượn tiền ngày 30/7/2014, ngày 13/3/2015. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là "tranh chấp hợp đồng dân sự (đòi tài sản)" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà H có nơi cư trú tại ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương. Nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ngày 30/7/2014 bà T có cho bà H mượn 05 chỉ vàng 9999 và số tiền là 10.000.000 đồng. Đến ngày 13/3/2015 bà T tiếp tục cho bà H mượn thêm 01 cây vàng 9999. Hai lần mượn tiền này bà H đều có viết giấy nhưng lấy tên là Phạm Thị Hồng N tên gọi khác của bà H. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán số tiền 10.000.000 đồng và 15 chỉ vàng 9999 (thành tiền là 54.000.000 đồng). Tổng cộng là 64.000.000 đồng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T cung cấp chứng cứ là hai giấy mượn tiền ngày 30/7/2014, ngày 13/3/2015 là bản chính. Tòa án đã tiến hành triệu tập bà H nhiều lần để đến Tòa án giải quyết nhưng bà H vẫn không có mặt. Do đó, bà T đã yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà H. Theo kết quả giám định số 164/GĐ-PC54 ngày 20/6/2018 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận như sau: Chữ ký mang tên "Phạm Thị Hồng N" dưới mục "người mượn tiền" trên hai "giấy mượn tiền" đề các ngày 30/7/2014, 13/3/2015 so với chữ viết họ tên của Phạm Nguyễn Ánh H trên các tài liệu mẫu do cùng một người viết ra. Như vậy có cơ sở kết luận chứng cứ bà T cung cấp có giá trị chứng minh.

[4] Bà T yêu cầu bà H thanh toán số tiền là 10.000.000 đồng và 15 chỉ vàng 9999 (thành tiền là 54.000.000 đồng). Tổng cộng là 64.000.000 đồng. Bà H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để làm việc, đồng thời không cung cấp chứng cứ gì chứng minh việc bà có trả nợ cho bà T. Do đó bà T yêu cầu bà H thanh toán số tiền 10.000.000 đồng và 15 chỉ vàng 9999 là có cơ sở chấp nhận. Đối với số vàng thì bà T yêu cầu nhận tiền. Theo biên bản xác minh ngày 28/8/2018 giá vàng tại thời điểm xét xử là 3.650.000 đồng/chỉ. Tại phiên tòa, bà T đồng ý lấy giá vàng theo yêu cầu của bà nếu giá vàng tại thời điểm xét xử cao hơn giá vàng bà yêu cầu. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà T nên chấp nhận. Vì vậy, bà H có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 64.000.000 đồng (gồm 10.000.000 đồng và 15 chỉ vàng 9999 (thành tiền là 54.000.000 đồng)).

[5] Về lãi suất: Bà T không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Chi phí giám định: 765.000 đồng bà T đã nộp. Bà H có trách nhiệm nộp hoàn trả cho bà T.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Phạm Nguyễn Ánh H phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T.

[8] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 161, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 256, 471, 474, 477 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "tranh chấp hợp đồng dân sự (đòi tài sản)" của bà Nguyễn Thị Ngọc T đối với bà Phạm Nguyễn Ánh H.

Buộc bà Phạm Nguyễn Ánh H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc T 64.000.000 đồng (sáu mươi bốn triệu đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phạm Nguyễn Ánh H không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng bà H còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Nguyễn Ánh H phải chịu 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm ngàn đồng).

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc T 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0011121 ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Chi phí giám định: 765.000 đồng (bảy trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) bà T đã nộp. Bà H có trách nhiệm nộp hoàn trả cho bà T.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/8/2018). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thùy Linh